TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2019/DS-ST
Ngày: 11-9-2019.
V/v tranh chấp về dân sự thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Tùng.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Đặng Văn Hai;
Ông Nguyễn Phát Triển.
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Dũng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp *tham gia phiên tòa*: Bà Bùi Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 257/2016/TLST-DS, ngày 14 tháng 12 năm 2016, "V/v tranh chấp về dân thừa kế tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2019/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Đặng Văn N - *Sinh năm*: 1976.
Địa chỉ: ấp ĐT, xã ĐH, huyện LVg, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt tại phiên tòa)
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Đặng Văn N là: Luật sư Phạm Văn K - Văn phòng Luật sư Phạm Văn K thuộc đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt tại phiên tòa)
Địa chỉ: K1, thị trấn LVg, huyện LVg, tỉnh Đồng Tháp.
- *Bị đơn*: Đặng Văn P - *Sinh năm*: 1972.
Địa chỉ: ấp ĐT, xã ĐH, huyện LVg, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt tại phiên tòa)
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:
Đặng Thị L - *Sinh năm*: 1974; (Có mặt tại phiên tòa)
Đặng Văn H - *Sinh năm*: 2000; (Vắng mặt tại phiên tòa)
Đặng Thị C - *Sinh năm*: 2002. (Vắng mặt tại phiên tòa)
Người đại diện theo pháp luật của Đặng Thị C là:
Đặng Thị L - *Sinh năm*: 1974. (Có mặt tại phiên tòa)
Cùng địa chỉ: ấp ĐT, xã ĐH, huyện LVg, tỉnh Đồng Tháp.

Đặng Thị U - *Sinh năm*: 1970; (Vắng mặt tại phiên tòa)
Đặng Văn L - *Sinh năm*: 1998; (Vắng mặt tại phiên tòa)
Đặng Thị H - *Sinh năm*: 2001. (Vắng mặt tại phiên tòa)
Cùng địa chỉ: ấp ĐT, xã ĐH, huyện LVg, tỉnh Đồng Tháp.
Phan Thị Bích T - *Sinh năm*: 1979; (Có mặt tại phiên tòa)
Đặng Thị Thùy L - *Sinh năm*: 1999; (Vắng mặt tại phiên tòa)
Đặng Thị M - *Sinh năm*: 2003. (Vắng mặt tại phiên tòa)
Người đại diện theo pháp luật của Đặng Thị M là:
Đặng Văn N - *Sinh năm*: 1976; (Có mặt tại phiên tòa)
Phan Thị Bích T - *Sinh năm*: 1979. (Có mặt tại phiên tòa)
Cùng địa chỉ: 165/3 ấp ĐT, xã ĐH, huyện LVg, tỉnh Đồng Tháp.
UBND huyện LVg, tỉnh Đồng Tháp.
Người đại diện theo pháp luật của UBND huyện LVg, tỉnh Đồng Tháp là: Nguyễn Hữu N - Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện LVg, tỉnh Đồng Tháp.
Cùng địa chỉ: Quốc lộ 80, K1, thị trấn LVg, huyện LVg, tỉnh Đồng Tháp. (Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)
- *Người làm chứng*:
Trương Kim P (HĐ) - *Sinh năm*: 1946.
Địa chỉ: ấp ĐT, xã ĐH, huyện LVg, tỉnh Đồng Tháp.
Đặng Văn P - *Sinh năm*: 1950.
Địa chỉ: ấp ĐT, xã ĐH, huyện LVg, tỉnh Đồng Tháp.
(Hai người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/10/2016 (Bổ sung ngày 01/11/2016, ngày 20/12/2018), biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, nguyên đơn Đặng Văn N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Thị Bích T trình bày:

Cha của Đặng Văn N là Đặng Văn Ni, chết ngày 24/01/2008 và mẹ là Nguyễn Thị L, chết ngày 21/5/2016 trong thời gian chung sống có ba người con (không có con nuôi), gồm có Đặng Văn P, Đặng Thị L và Đặng Văn N, không có lập di chúc, tuy nhiên trước khi cha mẹ chết anh Đặng Văn P trực tiếp quản lý, sử dụng toàn bộ thửa 7, tờ bản đồ số 33 là di sản của cha mẹ để lại, nhưng sau khi mẹ chết Đặng Văn P còn tự ý bao chiếm thêm bằng cách khóa cửa căn nhà thờ cấp 4, các vật dụng trong nhà là di sản của cha mẹ để lại không cho ai sử dụng và còn tự trồng 50 cây chuối chung quanh căn nhà thờ trên diện tích đo đạc thực tế 292,2 m^2 một phần thửa 200, tờ bản đồ số 3. Đã nhiều lần Đặng Thị L và Đặng Văn N yêu cầu Đặng Văn P trả lại cho Đặng Văn N, nhưng Đặng Văn P không đồng ý. Do đó Đặng Văn N yêu cầu chia di sản thừa kế cho ba anh em của Đặng Văn N theo pháp luật cụ thể như sau:

Đặng Văn N yêu cầu:

+ Đặng Văn P giao trả cho Đặng Văn N được quyền sở hữu: Căn nhà gỗ, trị giá 29.932.000 đồng; Vật dụng trong nhà gồm: Hai cái tủ ly, trị giá 3.200.000 đồng; Tủ thờ, trị giá 700.000 đồng; Hai tủ áo, trị giá 4.000.000 đồng; Bộ ngựa, trị

giá 600.000 đồng; Hai giường ngủ, trị giá 540.000 đồng; Hai bàn tròn, trị giá 900.000 đồng; 50 cây chuối, trị giá 1.500.000 đồng (Theo biên bản định giá tài sản, ngày 10/10/2018 của Hội đồng định giá huyện Lai Vung) trên diện tích 292,2 m^2 thuộc thửa 200, tờ bản đồ số 3;

+ Tiếp tục được quyền sử dụng diện tích đo đạc thực tế 292,2 m^2 đất (trong phạm vi các mốc M3, M4, M5, M6, A về M3), 256,1 m^2 đất (trong phạm vi các mốc M2, F, E, M14 về M2) một phần thửa 200; 206 m^2 đất (trong phạm vi các mốc A, M6, M7, B về A), 269 m^2 đất (trong phạm vi các mốc E, D, M13, M14 về E) một phần thửa 201 và 515,8 m^2 đất (trong phạm vi các mốc M1, M2, M14, M13, M12 về M1) một phần thửa 1927, cùng tờ bản đồ số 3 theo sơ đồ mảnh trích đo địa chính số: 54-2018, đo vẽ ngày 10/10/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Đặng Văn N tự nguyện giao cho:

+ Đặng Thị L được quyền sử dụng diện tích đo đạc thực tế 214,7 m^2 đất (trong phạm vi các mốc M7, M8, C, B về M7), 560,7 m^2 đất (trong phạm vi các mốc D, M9, M10, M13 về D) một phần thửa 201 và 248,3 m^2 đất (trong phạm vi các mốc M10, M11, M12, M13 về M10) một phần thửa 1927 cùng tờ bản đồ số 3 theo sơ đồ mảnh trích đo địa chính số: 54-2018, đo vẽ ngày 10/10/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

+ Đặng Văn P được quyền sử dụng toàn bộ thửa 7, tờ bản đồ số 33 diện tích đo đạc thực tế 1.390,3 m^2 đất (trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, M9, M10, M11 về M1 theo sơ đồ mảnh trích đo địa chính số: 53-2018, đo vẽ ngày 10/10/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp) và được quyền sở hữu 1.500.000 đồng (giá trị của 50 cây chuối do Đặng Văn N tự nguyện trả).

Trường hợp người nào nhận hiện vật có giá trị cao hơn phần mình được hưởng theo pháp luật thì có nghĩa vụ trả lại giá trị chênh lệch cho các đồng thừa kế khác.

Trong biên bản lấy lời khai ngày 23/5/2019, ngày 11/6/2019 và tại phiên tòa bị đơn Đặng Văn P trình bày:

Cha của Đặng Văn P là Đặng Văn Ni, đã chết và mẹ là Nguyễn Thị L, đã chết trong thời gian chung sống có ba người con (không có con nuôi), gồm có Đặng Văn P, Đặng Thị L và Đặng Văn N, trước khi chết cha mẹ không có lập di chúc. Đối với phần tài sản Đặng Văn N, Đặng Thị L đang yêu cầu Tòa án giải quyết Đặng Văn P cho rằng:

1. Đất do cha mẹ Đặng Văn P khi chết để lại là phần đất mà Đặng Thị L đang cất nhà ở;

2. Đất có căn nhà thờ và nhà thờ là của cha mẹ Đặng Văn P tạo dựng, nhưng cha mẹ Đặng Văn P đã bán lại cho Đặng Văn P, cụ thể là vào ngày 25/10/2000 mẹ Đặng Văn P tên Nguyễn Thị L tự tay viết giấy tay không có ai ký tên, không có cơ quan, tổ chức nào xác nhận bán cho Đặng Văn P nhà thờ (nội thất trong nhà thờ không có bán) và miếng đất tại căn nhà thờ với giá 20.000.000 đồng cho nên sau khi mẹ Đặng Văn P chết, Đặng Văn P khóa cửa căn nhà thờ

quản lý, sử dụng căn nhà thờ, nội thất trong nhà thờ và sử dụng đất bằng cách trồng 50 cây chuối chung quanh nhà thờ;

3. Trong biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 23/5/2019 và tại phiên tòa Đặng Văn P có khai nhận phần đất mà vợ chồng của Đặng Văn N cất nhà đang ở và phần đất sau nhà Đặng Văn P ở là Đặng Văn P giao một cây vàng hai mươi bốn kara, vàng 10 tuổi cho ông nội Đặng Văn P để ông nội trả nợ cho bà Hai Đèo nên vào ngày 16/4/1998 ông nội Đặng Văn P tên Đặng Văn Bài tự tay viết giấy tay không có ai ký tên, không có cơ quan, tổ chức nào xác nhận bán cho Đặng Văn P phần đất mà vợ chồng của Đặng Văn N cất nhà đang ở với giá một cây vàng hai mươi bốn kara, vàng 10 tuổi không phải đất của cha mẹ Đặng Văn P. Với tình nghĩa anh em ruột Đặng Văn P vẫn để cho Đặng Văn N cất nhà ở, Đặng Văn P không tranh chấp, cản trở. Nay Đặng Văn N khởi kiện tại Tòa án cho rằng là đất của cha mẹ Đặng Văn P là không đúng sự thật;

4. Phần đất Đặng Văn P đang cất nhà ở là do ông Cóc Đặng Văn P tên Nguyễn Văn Gia là cha của bà nội Đặng Văn P cho Đặng Văn P, nhưng không có làm giấy tờ, không phải đất của ông nội, bà nội cũng không phải đất của cha mẹ Đặng Văn P.

Kể từ khi ông Cóc Đặng Văn P cho đất, các phần đất Đặng Văn P mua của ông nội và của cha mẹ Đặng Văn P bán lại cho Đặng Văn P đến nay, Đặng Văn P không có đi đăng ký quyền sử dụng đất tại các cơ quan có thẩm quyền, cũng không có khiếu nại, khởi kiện tranh chấp và các phần đất này hiện nay Đặng Văn P không biết là do ai đang đứng tên quyền sử dụng đất. Ngoài giấy viết tay do ông nội Đặng Văn P tên Đặng Văn Bài tự tay viết ngày 16/4/1998 bán đất cho Đặng Văn P và giấy viết tay do mẹ Đặng Văn P tên Nguyễn Thị L tự tay viết ngày 25/10/2000 bán nhà thờ và miếng đất tại nhà thờ cho Đặng Văn P, Đặng Văn P không có tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho việc ông Cóc Đặng Văn P cho đất Đặng Văn P cất nhà, ông nội Đặng Văn P bán đất cho Đặng Văn P cũng như việc cha mẹ Đặng Văn P bán nhà thờ và miếng đất tại nhà thờ cho Đặng Văn P.

Từ lời trình bày của Đặng Văn P ở trên Đặng Văn P không đồng ý với yêu cầu của Đặng Văn N, Đặng Thị L, riêng Đặng Văn P yêu cầu Tòa án giải quyết cụ thể như sau:

1. Đặng Văn P đồng ý cho:

- Đặng Thị L tiếp tục được quyền sử dụng phần đất mà Đặng Thị L đang cất nhà ở;

- Đặng Văn N tiếp tục được quyền sử dụng phần đất mà hộ Đặng Văn N đang cất nhà ở;

2. Đặng Văn P yêu cầu hộ Đặng Văn N phải trả cho Đặng Văn P một cây vàng hai mươi bốn kara, vàng 10 tuổi (đúng giá trị phần đất Đặng Văn P mua của ông nội Đặng Văn P mà hiện hộ Đặng Văn N đang cất nhà ở) và được quyền sở hữu căn nhà thờ, nội thất trong nhà thờ; được quyền sử dụng phần đất tại căn nhà thờ và tiếp tục được quyền sử dụng phần đất Đặng Văn P đang cất nhà ở.

Trong biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Thị L trình bày:

Cha của Đặng Thị L là Đặng Văn Ni, chết ngày 24/01/2008 và mẹ là Nguyễn Thị L, chết ngày 21/5/2016 trong thời gian chung sống có ba người con (không có con nuôi), gồm có: Đặng Văn P, Đặng Thị L và Đặng Văn N, không có lập di chúc. Do đó, Đặng Thị L yêu cầu được quyền sử dụng diện tích đo đạc thực tế 214,7 m^2 đất (trong phạm vi các mốc M7, M8, C, B về M7), 560,7 m^2 đất (trong phạm vi các mốc D, M9, M10, M13 về D) một phần thửa 201 và 248,3 m^2 đất (trong phạm vi các mốc M10, M11, M12, M13 về M10) một phần thửa 1927 cùng tờ bản đồ số 3 theo sơ đồ mảnh trích đo địa chính số: 54-2018, đo vẽ ngày 10/10/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Ngoài ra Đặng Thị L không có yêu cầu và trình bày gì thêm.

Trong Công văn số: 61/UBND-TNMT, ngày 14/5/2019 UBND huyện LVg, tỉnh Đồng Tháp trình bày:

… Thửa đất số 200, 201, tờ bản đồ (299) số 3 tại xã Định Hòa, được UBND huyện LVg cấp giấy chứng nhận lần đầu cho hộ ông Đặng Văn Ni năm 1995. Hiện nay, thửa đất số 200, 201 theo sổ bộ quản lý còn tên hộ ông Đặng Văn Ni đứng tên quyền sử dụng đất (cấp 01 lần). …

Thửa đất số 1927, tờ bản đồ (299) số 3 tại xã Định Hòa, được UBND huyện LVg cấp giấy chứng nhận lần đầu cho hộ ông Đặng Văn Ni năm 2006 do nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ hộ ông Đặng Văn Bài. Cấp hai lần, lần đầu cấp cho hộ ông Đặng Văn Bài, lần 02 cấp cho hộ ông Đặng Văn Ni năm 2006. Trình tự thủ tục cấp cho hộ ông Đặng Văn Ni năm 2006 gồm: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; trích lục- trích đo bản đồ địa chính; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Đặng Văn Bài.

Thửa đất số 7, tờ bản đồ địa chính số 33 chưa đăng ký cấp giấy theo hệ thống bản đồ địa chính chính quy. ...

(*kèm theo hồ sơ đăng ký lần đầu của ông Đặng Văn Ni; hồ sơ đăng ký lần đầu của ông Đặng Văn Bài; hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Đặng Văn Bài cho ông Đặng Văn Ni*)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Văn H, Đặng Thị C, Đặng Thị U, Đặng Văn L, Đặng Thị H, Đặng Thị Thùy L, Đặng Thị M: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Riêng đối với UBND huyện LVg, tỉnh Đồng Tháp có đơn xin vắng mặt. Các đương sự có mặt tại phiên tòa, Luật sư và Kiểm sát viên cùng đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Văn H, Đặng Thị C, Đặng Thị U, Đặng Văn L, Đặng Thị H, Đặng Thị Thùy L, Đặng Thị M, người đại diện theo pháp luật của UBND huyện LVg, tỉnh Đồng Tháp và hai người làm chứng là có căn cứ, phù hợp với Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Phát biểu của Kiểm sát viên kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên đối với bị đơn Đặng Văn P; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Văn H, Đặng Thị C, Đặng Thị U, Đặng Văn L, Đặng Thị H, Đặng Thị Thùy L, Đặng Thị M và hai người làm chứng không thực hiện đúng theo thông báo, giấy triệu tập của Tòa án; Thẩm phán có vi phạm thời hạn về xử lý đơn khởi kiện, thụ lý. Nguyên đơn nộp đơn khởi kiện bổ sung, nhưng Thẩm phán không phát hành thông báo cho nguyên đơn nộp tiền tạm ứng án phí bổ sung; cấp, tống đạt văn bản tố tụng cho các thành viên trong hộ ông Đặng Văn P, hộ bà Đặng Thị L chưa đủ và còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử. Nên Kiểm sát viên đề nghị bị đơn Đặng Văn P; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Văn H, Đặng Thị C, Đặng Thị U, Đặng Văn L, Đặng Thị H, Đặng Thị Thùy L, Đặng Thị M, hai người làm chứng và Thẩm phán cần lưu ý nhằm đảm bảo cho việc chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và để góp phần cho việc giải quyết vụ án được nhanh chóng, đúng pháp luật, đồng thời Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện và sự tự nguyện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đặng Văn N, Đặng Văn P, Đặng Thị L cùng thừa nhận cha của Đặng Văn N, Đặng Văn P, Đặng Thị L là Đặng Văn Ni, chết ngày 24/01/2008 và mẹ là Nguyễn Thị L, chết ngày 21/5/2016, đồng thời ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại đều đã chết, trong thời gian chung sống Đặng Văn Ni, Nguyễn Thị L có ba người con (không có con nuôi), gồm có Đặng Văn P, Đặng Thị L và Đặng Văn N, trước khi chết cha mẹ không có lập di chúc. Theo đó, Đặng Văn N, Đặng Thị L yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của Đặng Văn Ni, Nguyễn Thị L, có giá trị 510.794.000 đồng, gồm:

1. Nhà: 29.932.000 đồng do Đặng Văn P đang chiếm giữ, nhưng Đặng Văn N yêu cầu được quyền sở hữu;

2. Nội thất trong nhà: 9.940.000 đồng do Đặng Văn P đang chiếm giữ, nhưng Đặng Văn N yêu cầu được quyền sở hữu;

3. Đất: 470.922.000 đồng. Cộng chung đo đạc thực tế 3.953,1 m^2 = 470.922.000 đồng, cụ thể:

- Thửa 200, tờ bản đồ số 3, MĐSD: ONT do Đặng Văn Ni đứng tên quyền sử dụng đất, đo đạc thực tế 548,3 m^2 x 300.000 đồng/m^2 = 164.490.000 đồng:

+ Đo đạc thực tế 292,2 m^2 do Đặng Văn P đang bao chiếm sử dụng, nhưng Đặng Văn N yêu cầu được quyền sử dụng: 292,2 m^2 x 300.000 đồng/m^2 = 87.660.000 đồng;

+ Đo đạc thực tế 256,1 m^2 do hộ ông Đặng Văn N đang quản lý, sử dụng và Đặng Văn N yêu cầu được quyền sử dụng: 256,1 m^2 x 300.000 đồng/m^2 = 76.830.000 đồng;

- Thửa 201, tờ bản đồ số 3, MĐSD: CLN do Đặng Văn Ni đứng tên quyền sử dụng đất, đo đạc thực tế 1.250,4 m^2 x 90.000 đồng/m^2 = 112.536.000 đồng:

+ Đo đạc thực tế 775,4 m^2 Đặng Thị L yêu cầu được quyền sử dụng: 775,4 m^2 x 90.000 đồng/m^2 = 69.786.000 đồng;

+ Đo đạc thực tế 475 m^2 do hộ ông Đặng Văn N đang quản lý, sử dụng và Đặng Văn N yêu cầu được quyền sử dụng: 475 m^2 x 90.000 đồng/m^2 = 42.750.000 đồng;

- Thửa 1927, tờ bản đồ số 3, MĐSD: CLN do Đặng Văn Ni đứng tên quyền sử dụng đất, đo đạc thực tế 764,1 m^2 x 90.000 đồng/m^2 = 68.769.000 đồng:

+ Đo đạc thực tế 248,3 m^2 Đặng Thị L yêu cầu được quyền sử dụng: 248,3 m^2 x 90.000 đồng/m^2 = 22.347.000 đồng;

+ Đo đạc thực tế 515,8 m^2 do hộ ông Đặng Văn N đang quản lý, sử dụng và Đặng Văn N yêu cầu được quyền sử dụng: 515,8 m^2 x 90.000 đồng/m^2 = 46.422.000 đồng;

- Thửa 7, tờ bản đồ số 33, MĐSD: CLN chưa được cấp giấy, nhưng do Đặng Văn Ni có tên trong sổ mục kê, Đặng Văn N, Đặng Thị L tự nguyện có nghĩa vụ giao cho Đặng Văn P được quyền sử dụng đo đạc thực tế 1.390,3 m^2 x 90.000 đồng/m^2 = 125.127.000 đồng:

+ Đo đạc thực tế 299,3 m^2 do hộ ông Đặng Văn P đang quản lý, sử dụng, nhưng Đặng Văn P cho rằng mua của ông nội, nên Đặng Văn P yêu cầu được quyền sử dụng: 299,3 m^2 x 90.000 đồng/m^2 = 26.937.000 đồng;

+ Đo đạc thực tế 1.091 m^2 do hộ ông Đặng Văn P đang quản lý, sử dụng và Đặng Văn P yêu cầu được quyền sử dụng: 1.091 m^2 x 90.000 đồng/m^2 = 98.190.000 đồng.

Ngoài ra Đặng Văn N còn tự nguyện có nghĩa vụ trả lại giá trị chênh lệch cho các đồng thừa kế khác, do nhận hiện vật có giá trị cao hơn phần Đặng Văn N được hưởng theo pháp luật, tính giá trị cụ thể:

1. Di sản 510.794.000 đồng : 3 thừa kế = 170.264.500 đồng/phần thừa kế được hưởng;

2. Đặng Văn N tự nguyện có nghĩa vụ trả lại: 123.269.500 đồng (293.534.000 đồng Đặng Văn N yêu cầu được nhận - 170.264.500 đồng Đặng Văn N được hưởng theo pháp luật = 123.269.500 đồng) cho:

- Đặng Thị L - 78.131.500 đồng (do Đặng Thị L nhận 92.133.000 đồng hiện vật có giá trị thấp hơn - 170.264.500 đồng phần Đặng Thị L được hưởng = - 78.131.500 đồng).

- Đặng Văn P - 45.137.500 đồng (do Đặng Văn P nhận 125.127.000 đồng hiện vật có giá trị thấp hơn - 170.264.500 đồng phần Đặng Văn P được hưởng = - 45.137.500 đồng) và 1.500.000 đồng (một triệu, năm trăm nghìn đồng do Đặng Văn N tự nguyện có nghĩa vụ trả giá trị 50 cây chuối).

Đặng Văn P không đồng ý với yêu cầu và lời trình bày của Đặng Văn N, Đặng Thị L, vì Đặng Văn P cho rằng đất do cha mẹ Đặng Văn P khi chết để lại là phần đất mà Đặng Thị L đang cất nhà ở; đất có căn nhà thờ và nhà thờ là của cha mẹ Đặng Văn P tạo dựng, nhưng cha mẹ Đặng Văn P đã bán lại cho Đặng Văn P, cho nên sau khi mẹ Đặng Văn P chết, Đặng Văn P khóa cửa căn nhà thờ quản lý, sử dụng căn nhà thờ, nội thất trong nhà thờ và sử dụng đất bằng cách trồng 50

cây chuối chung quanh nhà thờ; phần đất mà vợ chồng của Đặng Văn N cất nhà đang ở và phần đất sau nhà Đặng Văn P ở là Đặng Văn P giao một cây vàng hai mươi bốn kara, vàng 10 tuổi cho ông nội Đặng Văn P để ông nội trả nợ cho bà Hai Đèo nên vào ngày 16/4/1998 ông nội Đặng Văn P tên Đặng Văn Bài tự tay viết giấy tay không có ai ký tên, không có cơ quan, tổ chức nào xác nhận bán cho Đặng Văn P phần đất mà vợ chồng của Đặng Văn N cất nhà đang ở với giá một cây vàng hai mươi bốn kara, vàng 10 tuổi không phải đất của cha mẹ Đặng Văn P; Phần đất Đặng Văn P đang cất nhà ở là do ông Cóc Đặng Văn P tên Nguyễn Văn Gia là cha của bà nội Đặng Văn P cho Đặng Văn P. Lời trình bày này của Đặng Văn P không được Đặng Văn N, Đặng Thị L thừa nhận, nhưng Đặng Văn P không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào khác có giá trị pháp lý để chứng minh cho lời trình bày và yêu cầu cũng như sự phản đối của mình là có căn cứ và hợp pháp. Hơn nữa UBND huyện LVg, tỉnh Đồng Tháp là Cơ quan có thẩm quyền cấp quyền sử dụng đất và các Cơ quan quản lý đất đai của xã, huyện cùng xác định các thửa đất 200, 201, 1927 cùng tờ bản đồ số 3 đều do Đặng Văn Ni đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn thửa 7, tờ bản đồ số 33 chưa được cấp giấy, nhưng do Đặng Văn Ni có tên trong sổ mục kê. Còn đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Văn H, Đặng Thị C, Đặng Thị U, Đặng Văn L, Đặng Thị H, Đặng Thị Thùy L, Đặng Thị M kể từ khi thụ lý vụ án này, Tòa án đã tiến hành tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo luật định mà vẫn cố tình vắng mặt, không có văn bản phản bác về việc yêu cầu của nguyên đơn và cũng không có đơn yêu cầu độc lập. Điều đó thể hiện là họ đã tự từ bỏ quyền phản bác về việc yêu cầu của nguyên đơn và yêu cầu độc lập. Do đó, xét yêu cầu, sự tự nguyện của nguyên đơn, lời đề nghị của Luật sư và của Kiểm sát viên chấp nhận toàn bộ yêu cầu và sự tự nguyện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với Điều 650, khoản 2 Điều 651 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 179 của Luật đất đai.

[2] Ngoài ra Đặng Văn P còn có yêu cầu phản tố, nhưng đến nay bị đơn Đặng Văn P không có nộp đơn khởi kiện yêu cầu phản tố tại Tòa án. Cho nên, xét đề nghị của Kiểm sát viên không đặt thành vấn đề xem xét, giải quyết đối với yêu cầu của Đặng Văn P về việc Đặng Văn P yêu cầu hộ Đặng Văn N phải trả cho Đặng Văn P một cây vàng hai mươi bốn kara, vàng 10 tuổi (đúng giá trị phần đất Đặng Văn P mua của ông nội Đặng Văn P mà hiện hộ Đặng Văn N đang cất nhà ở) là có căn cứ.

[3] Trong biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Thị L yêu cầu được quyền sử dụng diện tích đo đạc thực tế 214,7 m^2 đất (trong phạm vi các mốc M7, M8, C, B về M7), 560,7 m^2 đất (trong phạm vi các mốc D, M9, M10, M13 về D) một phần thửa 201 và 248,3 m^2 đất (trong phạm vi các mốc M10, M11, M12, M13 về M10) một phần thửa 1927 cùng tờ bản đồ số 3 theo sơ đồ mảnh trích đo địa chính số: 54-2018, đo vẽ ngày 10/10/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, nhưng đến nay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Thị L không có nộp đơn khởi kiện yêu cầu độc lập tại Tòa án. Cho nên, xét đề nghị của Kiểm sát viên chấp nhận yêu

cầu của Đặng Thị L và chấp nhận sự tự nguyện của Đặng Văn N trả cho Đặng Thị L giá trị chênh lệch mà phần Đặng Thị L nhận hiện vật có giá trị thấp hơn phần Đặng Thị L được hưởng trong vụ án này là không có căn cứ. Hội đồng xét xử cần tách ra thành vụ án khác khi nào Đặng Thị L nộp đơn khởi kiện đúng luật định Tòa án sẽ thụ lý giải quyết theo thủ tục tố tụng chung. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cần tạm giao cho Đặng Thị L quản lý và sử dụng diện tích đo đạc thực tế 214,7 m^2 đất (trong phạm vi các mốc M7, M8, C, B về M7), 560,7 m^2 đất (trong phạm vi các mốc D, M9, M10, M13 về D) một phần thửa 201 và 248,3 m^2 đất (trong phạm vi các mốc M10, M11, M12, M13 về M10) một phần thửa 1927 cùng tờ bản đồ số 3 theo sơ đồ mảnh trích đo địa chính số: 54-2018, đo vẽ ngày 10/10/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, nhưng Hội đồng xét xử không công nhận sự tự nguyện của Đặng Văn N trả cho Đặng Thị L 78.131.500 đồng giá trị chênh lệch mà phần Đặng Thị L nhận hiện vật có giá trị thấp hơn phần Đặng Thị L được hưởng là do Đặng Thị L không có nộp đơn khởi kiện yêu cầu.

[4] Kiểm sát viên cho rằng nguyên đơn làm đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/12/2018, nhưng Thẩm phán không phát hành thông báo cho nguyên đơn nộp tiền tạm ứng án phí bổ sung là không đúng quy định tại Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy trường hợp này nguyên đơn không phải nộp tiền tạm ứng án phí bổ sung, vì trong đơn khởi khiện bổ sung của nguyên đơn Đặng Văn N yêu cầu được quyền tài sản ít hơn đơn khởi kiện ban đầu, mặc khác Đặng Văn N, Đặng Văn P tranh chấp về quyền sở hữu tài sản và tranh chấp về quyền sử dụng đất mà Tòa án không xem xét giá trị, chỉ xem xét quyền sở hữu tài sản và tranh chấp về quyền sử dụng đất của ai thì Đặng Văn N, Đặng Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án không có giá ngạch là 300.000 đồng, nhưng trước đó người khởi kiện Đặng Văn N đã nộp tiền tạm ứng án phí 8.541.000 đồng theo biên lai số 09590, ngày 14/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, nên Thẩm phán không phát hành thông báo cho nguyên đơn nộp tiền tạm ứng án phí bổ sung là có căn cứ, phù hợp với điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[5] Đặng Văn N, Đặng Văn P tranh chấp về quyền sở hữu tài sản và tranh chấp về quyền sử dụng đất mà Tòa án không xem xét giá trị, chỉ xem xét quyền sở hữu tài sản và tranh chấp về quyền sử dụng đất của ai thì Đặng Văn N, Đặng Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án không có giá ngạch. Riêng đối với trường hợp Đặng Văn P nhận giá trị chênh lệnh do Đặng Văn N giao trả là 45.137.500 đồng, Đặng Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như trường hợp vụ án có giá ngạch đối với phần giá trị mà Đặng Văn P được hưởng là có căn cứ, phù hợp với khoản 2 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 và điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[6] Đặng Văn N, Đặng Văn P phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản mà Đặng Văn N, Đặng Văn P được hưởng trong khối di sản thừa kế. Đặng Văn N đã nộp tiền tạm

ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nhiều hơn số tiền mà Đặng Văn N phải chịu thì Đặng Văn P là người phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản phải hoàn trả cho Đặng Văn N là có căn cứ, phù hợp với khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 158, khoản 2 Điều 165, khoản 2 Điều 166 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 610, Điều 650, khoản 2 Điều 651 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 179 của Luật đất đai; khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 158, khoản 2 Điều 165, khoản 2 Điều 166, Điều 228, khoản 2 Điều 229, khoản 2 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 và điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Buộc Đặng Văn P giao trả cho Đặng Văn N:

1.1. Được quyền sở hữu: Căn nhà; Vật dụng trong nhà gồm: Hai tủ ly, tủ thờ, hai tủ áo, bộ ngựa, hai giường ngủ, hai bàn tròn; 50 (năm mươi) cây chuối trên diện tích 292,2 m^2 thuộc thửa 200, tờ bản đồ số 3;

1.2. Được quyền sử dụng diện tích đo đạc thực tế 292,2 m^2 đất (hai trăm chín mươi hai phết hai mét vuông đất trong phạm vi các mốc M3, M4, M5, M6, A về M3 theo sơ đồ mảnh trích đo địa chính số: 54-2018, đo vẽ ngày 10/10/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp) một phần thửa 200, tờ bản đồ số 3.

2. Đặng Văn N được quyền sử dụng diện tích đo đạc thực tế 256,1 m^2 đất (hai trăm năm mươi sáu phết một mét vuông đất trong phạm vi các mốc M2, F, E, M14 về M2) một phần thửa 200; 206 m^2 đất (hai trăm lẻ sáu mét vuông đất trong phạm vi các mốc A, M6, M7, B về A), 269 m^2 đất (hai trăm sáu mươi chín mét vuông đất trong phạm vi các mốc E, D, M13, M14 về E) một phần thửa 201 và 515,8 m^2 đất (năm trăm mười lăm phết tám mét vuông đất trong phạm vi các mốc M1, M2, M14, M13, M12 về M1) một phần thửa 1927, cùng tờ bản đồ số 3 theo sơ đồ mảnh trích đo địa chính số: 54-2018, đo vẽ ngày 10/10/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

3. Đặng Văn P được quyền sử dụng toàn bộ thửa 7, tờ bản đồ số 33 diện tích đo đạc thực tế 1.390,3 m^2 đất (một nghìn ba trăm chín mươi phết ba mét vuông đất trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, M9, M10, M11 về M1) theo sơ đồ mảnh trích đo địa chính số: 53-2018, đo vẽ ngày 10/10/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

4. Tạm giao cho Đặng Thị L quản lý và sử dụng diện tích đo đạc thực tế 214,7 m^2 đất (hai trăm mười bốn phết bảy mét vuông đất trong phạm vi các mốc

M7, M8, C, B về M7), 560,7 m^2 đất (năm trăm sáu mươi phết bảy mét vuông đất trong phạm vi các mốc D, M9, M10, M13 về D) một phần thửa 201 và 248,3 m^2 đất (hai trăm bốn mươi tám phết ba mét vuông đất trong phạm vi các mốc M10, M11, M12, M13 về M10) một phần thửa 1927 cùng tờ bản đồ số 3 theo sơ đồ mảnh trích đo địa chính số: 54-2018, đo vẽ ngày 10/10/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

(Khi bản án có hiệu lực pháp luật các đương sự được quyền đến các cơ quan có thẩm quyền kê khai, đăng ký, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 200; 201; thửa 1927, cùng tờ bản đồ số 3 theo sơ đồ mảnh trích đo địa chính số: 54-2018, đo vẽ ngày 10/10/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp và thửa 7, tờ bản đồ số 33 theo sơ đồ mảnh trích đo địa chính số: 53-2018, đo vẽ ngày 10/10/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, địa chỉ các thửa đất tại: ấp ĐT, xã ĐH, huyện LVg, tỉnh Đồng Tháp kèm theo bản án này).

5. Buộc Đặng Văn N có nghĩa vụ trả cho Đặng Văn P được quyền sở hữu 45.137.500 đồng phần chênh lệch giá trị tài sản mà Đặng Văn P được hưởng và 1.500.000 đồng giá trị của 50 cây chuối, cộng chung là 46.637.500 đồng (bốn mươi sáu triệu, sáu trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm đồng).

6. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Đặng Văn P mà Đặng Văn N chậm trả 46.637.500 đồng thì hàng tháng Đặng Văn N còn phải trả cho Đặng Văn P thêm phần lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm trả nợ cho đến khi trả xong.

7. Án phí, tạm ứng án phí và chi phí, tạm ứng chi phí:

7.1. Đặng Văn N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp về quyền sở hữu tài sản và về quyền sử dụng đất; Được khấu trừ 8.541.000 đồng (tám triệu, năm trăm bốn mươi mốt nghìn đồng) đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 09590, ngày 14/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp; Hoàn trả lại cho Đặng Văn N số tiền chênh lệch là 8.241.000 đồng (tám triệu, hai trăm bốn mươi mốt nghìn đồng).

7.2. Đặng Văn P phải chịu 2.331.500 đồng (hai triệu, ba trăm ba mươi mốt nghìn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm về phần chênh lệch giá trị tài sản mà Đặng Văn P được hưởng và 1.500.000 đồng giá trị của 50 cây chuối.

7.3. Đặng Văn N phải chịu 3.093.500 đồng (ba triệu, không trăm chín ba nghìn, năm trăm đồng) về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản (Đặng Văn N đã nộp và chi xong).

7.4. Buộc Đặng Văn P hoàn trả cho Đặng Văn N 3.093.500 đồng (ba triệu, không trăm chín ba nghìn, năm trăm đồng) về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

8. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/9/2019). Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa

ngày 11/9/2019 thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- CCTHADS huyện Lai Vung;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Minh Tùng